

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 283 /2021/DS-PT

Ngày 09 - 12 - 2021

V/v tranh chấp “Đòi tài sản sinh lễ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Việt Trung.

Ông Nguyễn Thanh Triều.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2021/TLPT-DS ngày 27/7/2021 về việc tranh chấp “Đòi tài sản sinh lễ”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 14/5/2021 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 259/2021/QĐ-PT ngày 27/9/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1968 (có mặt);

2. Bà Huỳnh Thị Cẩm V, sinh năm 1971 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Khu phố 2, Phường 3, thị xã L, tỉnh Tiền Giang;

- Bị đơn: Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1998 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã Mỹ PT, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lê Văn C, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp P, xã Mỹ PT, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền ông Cường: Ông Phùng Văn T1, sinh năm 1959 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã Mỹ PT, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

2. Thái Thị Tuyết L, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã Mỹ PT, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

3. Nguyễn Thành Đ1, sinh năm 1995 (có mặt);
Địa chỉ: Khu phố 2, Phường 3, thị xã L, tỉnh Tiền Giang;
- *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Lê Thị Cẩm T.
- *Viện Kiểm sát nhân dân thị xã L kháng nghị.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị Cẩm V trình bày:

Ông bà là mẹ của anh Nguyễn Thành Đ1. Ông Lê Văn C và bà Thái Thị Tuyết L là cha, mẹ của chị Lê Thị Cẩm T. Giữa anh Đ1 và chị T có quan hệ tình cảm với nhau, qua thời gian quen biết tìm hiểu thì anh Đ1 và chị T có nguyện vọng tiến đến hôn nhân nên gia đình ông bà và gia đình ông C, bà L thống nhất sẽ tổ chức lễ hỏi và lễ cưới theo nguyện vọng của anh Đ1 và chị T.

Vào ngày 19/7/2020 gia đình ông bà và gia đình ông C, bà L tổ chức lễ hỏi cho anh Đ1 và chị T. Trong lễ hỏi này, gia đình ông bà có cho anh Đ1 và chị T một số tài sản gồm: 02 nhẫn trọng lượng mỗi chiếc 6 phân 1 ly vàng 18 kara; 01 dây chuyền trọng lượng 4 chỉ vàng 24 kara; 02 chiếc lắc trọng lượng mỗi chiếc 02 chỉ vàng 24 kara; 02 chiếc nhẫn trọng lượng mỗi chiếc 01 chỉ vàng 24 kara; 01 đôi bông tay hột xoàn trị giá 21.687.550 đồng và 10.000.000 đồng để chị T sắm đồ cưới. Số vàng và tiền ông bà đưa cho bà L (mẹ chị T) ngay trong ngày lễ hỏi để bà L trao cho chị T.

Sau khi tổ chức lễ hỏi xong, anh Đ1 giữ lại: 01 chiếc nhẫn trọng lượng 6 phân 1 ly vàng 18 kara; 01 chiếc nhẫn trọng lượng 01 chỉ vàng 24 kara; 01 chiếc lắc trọng lượng 02 chỉ vàng 24 kara. *Chị T giữ: 01 nhẫn trọng lượng 6 phân 1 ly vàng 18 kara; 01 sợi dây chuyền trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara; 01 chiếc lắc trọng lượng 02 chỉ vàng 24 kara; 01 chiếc nhẫn trọng lượng 01 chỉ vàng 24 kara và 01 đôi bông tai hột xoàn trị giá 21.687.550 đồng và 10.000.000 đồng.* Việc ông bà tặng tài sản cho chị T trong lễ hỏi là tặng cho với điều kiện là chị T phải tiến đến hôn nhân với anh Đ1 vào ngày 10/01/2021.

Nhưng sau đó chị T ghen tuông vô cớ với anh Đ1 và quyết định hủy hôn không tổ chức lễ cưới với anh Đ1. Khi chị T quyết định hủy hôn, gia đình ông bà có đến nhà gặp ông C, bà L, chị T để yêu cầu tiếp tục tiến tới hôn nhân giữa anh Đ1 và chị T, nhưng phía ông C, bà L và chị T không chấp nhận. Ông bà có yêu cầu nếu không tiến tới hôn nhân với anh Đ1 thì chị T phải trả lại tài sản cho ông bà nhưng chị T và gia đình bà L không trả lại tài sản cho ông bà.

Nay ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T trả lại cho ông bà số tài sản gồm: 01 nhẫn trọng lượng 6 phân 1 ly vàng 18 kara; 01 sợi dây chuyền trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara; 01 chiếc lắc trọng lượng 02 chỉ vàng 24 kara; 01 chiếc nhẫn trọng lượng 01 chỉ vàng 24 kara; 01 đôi bông tai hột xoàn trị giá 21.687.550 đồng; số tiền 10.000.000 đồng. Trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị Lê Thị Cẩm T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thành Đ1 có mối quan hệ tình cảm với nhau và được gia đình tổ chức lễ hỏi vào ngày 19/7/2020. Trong thời gian đầu, mối quan hệ giữa chị và anh Đ1 rất hạnh phúc; đến tháng 8/2020 sau khi đám hỏi xong thì phát sinh mâu thuẫn do anh Đ1 thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, có mối quan hệ với người phụ nữ khác, hai bên không gặp nhau trong thời gian dài nên dẫn đến việc thường xuyên cãi nhau; anh Đ1 nhiều lần xúc phạm nhân phẩm danh dự chị. Khi xảy ra sự việc, chị cũng bỏ qua để anh Đ1 có cơ hội hai bên hàn gắn, nhưng anh Đ1 không thay đổi, mỗi lần cãi nhau đều chia tay và chặn điện thoại, chặn mạng xã hội facebook, zalo, cắt liên lạc khoảng 02 tháng.

Vào ngày 01/10/2020 (âm lịch), gia đình chị có mời gia đình anh Đ1 đến để giải quyết mâu thuẫn; anh Đ1 thừa nhận đã có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và muốn đình đám hủy hôn, kết thúc mối quan hệ với chị trước mặt cha, mẹ và người thân trong gia đình chị.

Đối với tài sản lúc tổ chức lễ hỏi: Gia đình anh Đ1 có trình cho quà cưới gồm: 01 cặp nhẫn đính hôn vàng 18 kr, 01 cặp nhẫn trơn mỗi chiếc 05 phân vàng 24kr; cho cô dâu số nữ trang: 01 đôi bông hột xoàn trị giá 21.687.550 đồng, 01 sợi dây chuyền trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kr, 02 chiếc lắc tay mỗi chiếc trọng lượng 02 chỉ vàng 24 kr và 10.000.000 đồng.

Nhưng trước đó do nhu cầu sử dụng bản thân, anh Đ1 đã mượn lại của chị 01 chiếc lắc tay trọng lượng 02 chỉ vàng 24 kr. Sau khi anh Đ1 hủy hôn chấm dứt mối quan hệ với chị thì gia đình anh Đ1 là ông Đ, bà V đòi lại toàn bộ số quà cưới, yêu cầu này chị cho rằng là hoàn toàn trái đạo đức xã hội và phong tục cưới hỏi từ xưa đến nay, đã làm ảnh hưởng đến uy tín danh dự của chị và gia đình chị.

Ông Đ, bà V cho rằng số vàng và tiền làm quà tặng cho cô dâu trong lễ hỏi do bà V đưa cho mẹ chị là sai sự thật, vì vàng được trình cho chị và chính anh Đ1 là người đeo cho chị. Số vàng tặng cho chị là tặng cho với điều kiện chị phải tiến tới hôn nhân với anh Đ1 vào ngày 10/01/2021 là không đúng sự thật; bởi lẽ lúc trình lễ ông Đ, bà V không nêu điều kiện này. Ông Đ, bà V cho rằng do chị kiểm chuyện ghen tuông vô cớ hủy hôn với anh Đ1 là hoàn toàn sai sự thật; vì ngày 01/10/2020 (âm lịch) anh Đ1 là người thừa nhận đã quen người khác và muốn đình đám hủy hôn kết thúc mối quan hệ với chị trước mặt cha, mẹ người thân trong gia đình chị. Ngày 08/10/2020 (âm lịch) ông Đ, bà V đến nhà chị yêu cầu tổ chức đám cưới nhưng anh Đ1 không có mặt; ông Đ, bà V yêu cầu cưới nhưng cách nói chuyện và nhìn nhận vấn đề là không hề có thiện chí muốn cưới mà nhắm vào yêu cầu muốn đòi lại số vàng đã cho chị. Trong khi đó, anh Đ1 có quan hệ tình cảm với người khác, nhiều lần chửi bới xúc phạm và chia tay chị. Ngoài ra, anh Đ1 và gia đình còn tung tin thất thiệt, nói sai lệch sự thật nhằm hạ bệ uy tín danh dự, gây hoang mang dư luận, mục đích muốn cho mọi người xa lánh chị. Những gì mà anh Đ1 và gia đình anh Đ1 gây ra cho chị là vi phạm nghiêm trọng về mặt đạo đức xã hội, làm ảnh hưởng đến cuộc sống, ảnh hưởng

đến nhân duyên, tổn thất tinh thần, tổn thương về mặt tình cảm và ảnh hưởng đến danh dự nhân phẩm của chị.

Ngày 12/01/2021 chị T có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị Cẩm V, anh Nguyễn Thành Đ1 phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về những tổn thất tinh thần, tình cảm và uy tín, danh dự cho chị với số tiền là 10.000.000 đồng; ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại biên bản hòa giải ngày 19/3/2021, chị T đồng ý hoàn trả lại cho ông Đ, bà V $\frac{1}{2}$ số tiền, vàng mà ông Đ, bà V đã yêu cầu.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C và bà Thái Thị Tuyết L trình bày:

Ông bà là cha, mẹ ruột của chị T. Anh Đ1 và chị T có mối quan hệ tình cảm với nhau được gia đình tổ chức lễ hỏi vào ngày 19/7/2020, nhưng sau đó ông bà được biết qua lời kể của chị T là do anh Đ1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên đã nhiều lần muốn kết thúc mối quan hệ với chị T và gia đình hủy hôn. Vợ chồng ông bà được biết sau lễ hỏi khoảng hai tuần thì hai con bắt đầu phát sinh mâu thuẫn hay tranh cãi qua lại với nhau, nguyên nhân xuất phát từ việc khoảng 02 tháng sau ngày lễ hỏi anh Đ1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác thường xuyên né tránh không gặp mặt và hay nổi nóng chửi bới xúc phạm chị T, anh Đ1 chia tay chị T khoảng 02 tháng thì năn nỉ xin quay lại. Bậc làm cha, mẹ ông, bà hết lời khuyên ngăn và muốn hai con hàn gắn, hạnh phúc với nhau, T nghe lời nên đã quay lại cho anh Đ1 cơ hội, được 01 tuần thì ngày 24/10/2020 T phát hiện anh Đ1 nhắn tin và qua lại yêu đương thân mật với người phụ nữ khác.

Vào ngày 01/10/2020 (âm lịch) gia đình ông, bà có mời ông Đ, bà V đến để giải quyết, tại đây Đ1 thừa nhận có mối quan hệ yêu đương với người phụ nữ khác, đồng thời đình đám và chấm dứt mối quan hệ trước mặt T, sự việc chứng kiến có người thân trong gia đình ông, bà.

Ngày 08/10/2020 (âm lịch) ông Đ, bà V có đến nhà yêu cầu tổ chức đám cưới nhưng Đ1 không có mặt. Ông Đ, bà V yêu cầu cưới nhưng qua cách nói chuyện và nhìn nhận vấn đề là không hề có thiện chí muốn cưới mà chỉ nhắm vào yêu cầu muốn đòi lại số vàng đã cho T trước đó. Việc tuần trước hủy hôn tuần sau đòi cưới, ra điều kiện nếu không cưới thì trả vàng, anh Đ1 có quan hệ tình cảm với người khác, nhiều lần chửi bới xúc phạm và chia tay chị T, ngoài ra Đ1 và gia đình còn tung tin đồn thất thiệt, nói sai lệch sự thật nhằm hạ bệ uy tín danh dự của con ông, bà. Anh Đ1 và gia đình Đ1 gây ra cho gia đình ông, bà là vi phạm nghiêm trọng về mặt đạo đức, xã hội, đặc biệt ông Đ và Đ1 là công viên chức nhà nước mà lại có cách cư xử như vậy làm ảnh hưởng đến nhân duyên, tổn thất về tinh thần, tổn thương về mặt tình cảm, ảnh hưởng danh dự nhân phẩm con của ông, bà. Nay ông, bà thống nhất như trình bày của chị T trả lại cho ông Đ, bà V $\frac{1}{2}$ số tiền, vàng trên và yêu cầu bồi thường danh dự nhân phẩm cho con của ông, bà số tiền là 10.000.000 đồng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành Đ1 trình bày:

Anh không yêu cầu hủy hôn và còn thương chị T, nên yêu cầu tiếp tục tiến hành lễ cưới với chị T.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 14/5/2021 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 116, Điều 166, Điều 592 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị Cẩm V.

2. Không chấp nhận phản tố của chị Lê Thị Cẩm T yêu cầu bồi thường thiệt hại về những tổn thất tinh thần, tình cảm và uy tín danh dự cho chị số tiền 10.000.000 đồng.

Buộc chị Lê Thị Cẩm T trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị Cẩm V số tiền, vàng gồm: 01 nhẫn trọng lượng 6 phân 1 ly vàng 18 kara; 01 sợi dây chuyền trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara; 01 chiếc lắc trọng lượng 02 chỉ vàng 24 kara; 01 chiếc nhẫn trọng lượng 01 chỉ vàng 24 kara; 01 đôi bông tai hột xoàn trị giá 21.687.550 đồng; 10.000.000 đồng. Ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Theo hóa đơn mua vàng do ông Đ, bà V cung cấp ngày 05/7/2020 thì tổng cộng số vàng và tiền là: 75.814.550 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, các bên thống nhất số tiền theo hóa đơn để tính án phí.

Chị Lê Thị Cẩm T phải chịu 4.290.727 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị Cẩm T số tiền tạm ứng án phí là 925.900 đồng và 791.000 theo các biên lai thu số 0006729 ngày 05/01/2021 và biên lai thu số 0006686 ngày 17/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 28/5/2021, chị Lê Thị Cẩm T có đơn kháng cáo yêu cầu: Sửa 01 phần bản án sơ thẩm; rút toàn bộ yêu cầu phản tố yêu cầu ông Đ và bà V bồi thường tổn thất tinh thần, tình cảm và uy tín, danh dự số tiền 10.000.000 đồng; chị đồng ý trả ½ số tài sản mà ông Đ và bà V yêu cầu.

* Ngày 02/6/2021 Viện Kiểm sát nhân dân thị xã L ban hành Quyết định số 38/QĐKNPT-VKS-DS; kháng nghị phúc thẩm đối với bản án dân sự sơ thẩm số

40/2021/DS- ST ngày 14/5/2021 của Tòa án nhân dân thị xã L; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và phần nội dung quyết định vụ án, án phí.

* Ngày 20/10/2021 chị Lê Thị Cẩm T có đơn kháng cáo bổ sung, yêu cầu: sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị Cẩm V; chị không có nghĩa vụ trả lại số vàng mà ông Đ và bà V yêu cầu.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Chị Lê Thị Cẩm T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và kháng cáo bổ sung.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang thay đổi Quyết định kháng nghị của VKSND thị xã L, đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn Đ, bà Huỳnh Thị Cẩm V không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo, kháng cáo bổ sung của chị T và quyết định kháng nghị của VKSND thị xã L.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện anh Đ1 có nhắn tin qua lại với người phụ nữ khác, tin nhắn giữa anh Đ1 và chị T thể hiện anh Đ1 nhiều lần xúc phạm chị T, kể cả chị gái của anh Đ1 cũng đã xúc phạm đến chị T. Anh Đ yêu cầu tiến tới hôn nhân, không yêu cầu hủy hôn, nhưng anh Đ1 chỉ nói mà không có thiện chí thực hiện. Giữa anh Đ1 và chị T đã phát sinh mâu thuẫn; gia đình chị T đã chủ động mời gia đình anh Đ1 đến nói chuyện, lúc này có người thân họ hàng của chị T chứng kiến, tại đây anh Đ1 thừa nhận có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Khi mâu thuẫn chưa được giải quyết xong mà phía anh Đ1 cho rằng muốn tiến tới hôn nhân là không có căn cứ. Án sơ thẩm có vi phạm về thủ tục tố tụng nhưng không lớn, việc hủy bản án sơ thẩm là không cần thiết. Tại phiên tòa phúc thẩm, những thiếu sót của cấp sơ thẩm đã được khắc phục; như: người tên Thái Thị Tuyết L xác định bà là mẹ ruột của chị Lê Thị Cẩm T, bà tham gia suốt quá trình tố tụng của vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót, ghi nhầm tên của bà là Nguyễn Thị Tuyết; đồng thời các chứng cứ như nội dung quyết định kháng nghị của VKSND thị xã L nêu cũng đã được làm rõ tại phiên tòa phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Đ1 thừa nhận giữa anh Đ1 và chị T đều có lỗi, nhưng anh Đạt có lỗi nhiều hơn; trong khi đó chị Tú cho rằng chị Tú không có lỗi như những gì chị đã cung cấp, trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm. VKSND tỉnh Tiền Giang thay đổi hướng kháng nghị của VKSND thị xã Cai Lậy từ đề nghị hủy bản án sơ thẩm thành kháng nghị theo hướng sửa án sơ thẩm; chấp nhận kháng cáo của chị Tú, chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Tú, số nữ trang và tiền hiện chị Tú đang quản lý thì tiếp tục giao hết cho chị Tú. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của

VKSND thị xã Cai Lậy theo hướng sửa bản án sơ thẩm, kháng cáo của chị Tú là có căn cứ để chấp nhận.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án theo Điều 166 Bộ luật Dân sự về quyền đòi lại tài sản là đúng, nhưng cần xác định rõ đây là mối quan hệ “Đòi tài sản sính lễ” để khi xem xét giải quyết cần áp dụng Điều 3 và Điều 5 Bộ luật Dân sự ; khoản 1 Điều 45 Bộ luật Tố tụng Dân sự để xét xử.

[2] Về tố tụng:

Ngày 02/6/2021 Viện Kiểm sát nhân dân thị xã L ban hành Quyết định số 38/QĐKNPT-VKS-DS; kháng nghị phúc thẩm đối với bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 14/5/2021 của Tòa án nhân dân thị xã L.

Ngày 03/6/2021 Thẩm phán Nguyễn Hòa Hợp ký Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm đối với nguyên đơn **Nguyễn Cẩm Đ** thành **Nguyễn Văn Đ**, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Thị Tuyết** thành **Thái Thị Tuyết L**. Việc đính chính trên tuy có trễ hơn quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L nhưng là phù hợp với Biên bản phiên tòa (Bút lục 66) có thể hiện nguyên đơn là Nguyễn Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Thái Thị Tuyết L nên chấp nhận; nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm, bởi lẽ trong hồ sơ còn rất nhiều sửa chữa viết tay những thiếu sót này như Biên bản hòa giải, Biên bản kiểm tra chứng cứ, Thông báo thụ lý yêu cầu phản tố v.v...

[3] Về nội dung:

Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà V khởi kiện yêu cầu chị T phải trả toàn bộ số tài sản gồm: 01 nhẫn trọng lượng 6 phân 1 ly vàng 18 kara; 01 sợi dây chuyền trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara; 01 chiếc lắc trọng lượng 02 chỉ vàng 24 kara; 01 chiếc nhẫn trọng lượng 01 chỉ vàng 24 kara; 01 đôi bông tai hột xoàn trị giá 21.687.550 đồng; 10.000.000 đồng là chưa phù hợp, bởi lẽ:

Căn cứ vào hóa đơn bán hàng thì thể hiện: Hóa đơn bán hàng ngày 05/7/2020 có giá trị thanh toán là không ai đứng tên, **hóa đơn bán hàng ngày 09/7/2020 tên người mua là Nguyễn Thành Đ1** mua một đôi bông kim cương trị giá là 21.678.550 đồng và chính anh Đ1 là người trực tiếp đeo bông cho chị T tại buổi sính lễ. Như vậy, chưa có căn cứ để xác định toàn bộ số tài sản trên là của ông Đ và bà V.

Về đánh giá chứng cứ: Đây là quan hệ tranh chấp mà khi giải quyết cần xem xét áp dụng Điều 120 Bộ luật Dân sự về giao dịch dân sự có điều kiện quy

định tại khoản 2: “**trường hợp có sự tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của một bên cố ý thúc đẩy cho điều kiện xảy ra thì coi như điều kiện đó không xảy ra.**” và tại khoản 5, Điều 3 Bộ luật Dân sự: “**cá nhân, pháp nhân phải tự chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự.**”. Tại khoản 2 Điều 5 Bộ luật Dân sự có quy định: “**trường hợp các bên không có thỏa thuận và pháp luật không có quy định thì có thể áp dụng tập quán....**” và Điều 45 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, cần phải xác định lỗi trong mối quan hệ tranh chấp này, án sơ thẩm nhận định ông Đ và bà V đến nhà chị T ngày 08/10/2020 để yêu cầu tổ chức đám cưới nhưng không có mặt anh Đ1, và phía chị T không đồng ý, để nhận định chị T có lỗi là đánh giá chứng cứ không đầy đủ; bởi lẽ: trước đó anh Đ1 đã nhiều lần nhắn tin yêu thương với người phụ nữ khác và thể hiện ý muốn là không muốn tiến tới hôn nhân với chị T; ngày 01/10/2020 tại nhà chị T, anh Đ1 thừa nhận có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và đưa ra yêu cầu hủy hôn trước sự chứng kiến của hai bên họ hàng; đến khi phát sinh tranh chấp tại Tòa án lại yêu cầu tiến tới hôn nhân là né tránh việc có lỗi trong yêu cầu đòi tài sản của ông Đ và bà V với chị T.

Tuy nhiên, khi xem xét lỗi cần phải xác định ông Đ và bà V không có lỗi trong việc không tiến hành hôn nhân của anh Đ1 và chị T mà mâu thuẫn phát sinh từ phía anh Đ1 và chị T nên cũng cần xem xét, nếu hôn nhân được tiến hành thì số tài sản trên cũng sẽ là tài sản chung của vợ chồng, trường hợp hủy hôn thì cần xét lỗi do anh Đ1 là con ông Đ và bà V có lỗi nên phía ông Đ, bà V, anh Đ1 phải chịu một phần lỗi, trong đó: do anh Đ1 là người có lỗi hoàn toàn nên số nữ trang đứng tên anh Đ1 trong hóa đơn là mua một đôi bông kim cương trị giá là 21.678.550 đồng trong buổi sinh lễ anh Đ1 đã trực tiếp đeo tặng cho chị T, xem như chị T không có trách nhiệm hoàn trả và số tiền 10.000.000 đồng của ông Đ và bà V cho chị T mua sắm quần áo cho ngày cưới; do ngày cưới đã được ấn định đã viết thiệp mời nên cũng không thể buộc hoàn trả phần tiền này cho ông Đông và bà Vân.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Lê Thị Cẩm T xin rút yêu cầu phản tố về việc buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị Cẩm V bồi thường tổn thất tinh thần, tình cảm và uy tín, danh dự số tiền 10.000.000 đồng. Xét thấy: Việc rút yêu cầu phản tố này của bị đơn chị Lê Thị Cẩm T là hoàn toàn tự nguyện; và được nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Huỳnh Thị Cẩm V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành Đ1, bà Thái Thị Tuyết L đồng ý; không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố này của chị T.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cần sửa án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Cẩm T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L về việc buộc chị Lê Thị Cẩm T phải hoàn trả lại cho ông Đ và bà V số nữ trang gồm: 01 nhẫn trọng lượng 6 phân 1 ly vàng 18 kara; 01 sợi dây chuyền trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara; 01 chiếc lắc trọng lượng 02 chỉ vàng 24 kara; 01 chiếc nhẫn trọng lượng 01 chỉ vàng 24 kara;

Không chấp nhận yêu cầu đòi lại toàn bộ số nữ trang của ông Đ và bà V. Thay đổi kháng nghị của VKSND thị xã L là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc thay đổi kháng nghị của VKSND thị xã L phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[7.1] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Cẩm T được chấp nhận 01 phần và Hội đồng xét xử quyết định sửa bản án sơ thẩm nên chị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như sau:

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị Cẩm V phải chịu 1.583.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lê Thị Cẩm T phải chịu 2.706.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 45, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3, 5, 116, 166, 120, Điều 592 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 38/QĐKNPT-VKS-DS ngày 02/6/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã L.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Cẩm T.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 14/5/2021 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị Cẩm V.

Buộc chị Lê Thị Cẩm T trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị Cẩm V số tiền, vàng gồm: 01 nhẫn trọng lượng 6 phân 1 ly vàng 18 kara; 01 sợi dây chuyền trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara; 01 chiếc lắc trọng lượng 02 chỉ vàng 24 kara; 01 chiếc nhẫn trọng lượng 01 chỉ vàng 24 kara, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Chị Lê Thị Cẩm T được quyền sở hữu, sử dụng 01 đôi bông tai hột xoàn trị giá 21.687.550 đồng và số tiền 10.000.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của chị Lê Thị Cẩm T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị Cẩm V bồi thường tổn thất tinh thần, tình cảm và uy tín, danh dự số tiền 10.000.000 đồng;

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đ và bà V phải chịu 1.583.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 925.900 đồng và 791.000 tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0006729 ngày 05/01/2021 và biên lai thu số 0006686 ngày 17/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, tỉnh Tiền Giang; nên hoàn lại ông Đ và bà V số tiền 133.000 đồng.

Chị T phải chịu 2.706.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Lê Thị Cẩm T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho chị T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007051 ngày 01/6/2021 ngày của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND thị xã L;
 - THADS thị xã L;
 - Đăng công thông tin điện tử;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2021-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong